

Bài 36 ÔN TẬP CHUNG (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kỹ năng

- Củng cố nhận biết thứ tự các số trên tia số.
- Củng cố nhận biết ngày, tháng.
- Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.
- Thực hiện được phép cộng, phép trừ có đơn vị là: cm, kg, l.
- Xem được giờ trên đồng hồ (khi kim dài (kim phút) chỉ vào các số 3, 6).
- Tính được độ dài đường gấp khúc.
- Giải được bài toán thực tế (bài toán có lời văn với một bước tính) liên quan đến các phép tính đã học.

Phát triển năng lực

- Qua thực hành, luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Qua giải bài toán thực tế sẽ phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 2.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Nhận biết được thứ tự các số trên tia số; nhận biết được ngày, tháng; thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100; xem được giờ trên đồng hồ (khi kim dài (kim phút) chỉ vào các số 3, 6); tính được độ dài đường gấp khúc.

Bài 1: Củng cố thứ tự các số trên tia số; nhận biết ngày, tháng.

- GV cho HS nêu cách làm: Câu a dựa vào thứ tự số trên tia số, câu b dựa vào thứ tự các ngày trong tháng.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Kết quả: Câu a chọn C; câu b chọn B.

Bài 2: Củng cố xem giờ trên đồng hồ.

- GV hướng dẫn HS nêu cách làm: Chuyển 2 giờ chiều thành 14 giờ, 4 giờ 30 phút chiều thành 16 giờ 30 phút, 8 giờ tối thành 20 giờ.
- GV cho HS tự kết luận.

Bài 3: Củng cố phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.

- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Sau khi HS làm bài, GV có thể cho HS kiểm tra, chữa bài cho nhau.
- Khi chữa bài, GV có thể cho HS nêu cách tính một vài trường hợp để ôn lại cách thực hiện phép cộng, phép trừ.

Bài 4: Củng cố cách giải và trình bày bài giải của bài toán có lời văn.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài (cho biết gì, hỏi gì?).
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài giải

Chiều cao của Mi là:

$$89 + 9 = 98 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 98 cm.

Bài 5: Củng cố cách tính độ dài đường gấp khúc.

a) GV cho HS làm bài rồi chữa bài:

- Đường đi ABC dài 90 cm ($52 \text{ cm} + 38 \text{ cm} = 90 \text{ cm}$).
- Đường đi MNPQ dài 97 cm ($39 \text{ cm} + 23 \text{ cm} + 35 \text{ cm} = 97 \text{ cm}$).

b) Từ kết quả câu a suy ra đường đi ABC ngắn hơn đường đi MNPQ.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100; thực hiện được phép cộng số đo với đơn vị là: kg, l; xem được giờ trên đồng hồ; tính được độ dài đường gấp khúc; giải được bài toán đơn có nội dung thực tế liên quan đến phép tính đã học.

Bài 1: Củng cố xem giờ trên đồng hồ, tính độ dài đường gấp khúc.

- Câu a: GV cho HS nêu giờ vào buổi chiều của đồng hồ M và N:
 - + Đồng hồ M chỉ 3 giờ 30 phút chiều hay 15 giờ 30 phút.
 - + Đồng hồ N chỉ 4 giờ chiều hay 16 giờ.
 - + Từ đó HS nhận ra đồng hồ M và E chỉ cùng giờ vào buổi chiều. Kết quả: Chọn A.
- Câu b: GV cho HS tính độ dài đường gấp khúc ABCD được 13 cm. Kết quả: Chọn C.

Bài 2: Củng cố cách đọc cân và phép cộng số đo với đơn vị: kg, l.

- Câu a: GV cho HS quan sát hình cân để nhận ra cân thăng bằng nên quả mít cân nặng bằng cả hai quả cân 5 kg và 2 kg.
Do đó quả mít cân nặng 7 kg ($5 \text{ kg} + 2 \text{ kg} = 7 \text{ kg}$).
- Câu b: GV cho HS đọc và quan sát hình để nhận ra lượng nước rót ra là 4 l ($2 \text{ l} + 2 \text{ l} = 4 \text{ l}$).
Trong can còn lại 6 l nước ($10 \text{ l} - 4 \text{ l} = 6 \text{ l}$).

Bài 3: Củng cố cách chọn phép tính phù hợp với yêu cầu của bài toán có lời văn và viết câu trả lời.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu, phân tích đề bài (cho biết gì, hỏi gì?).
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài giải

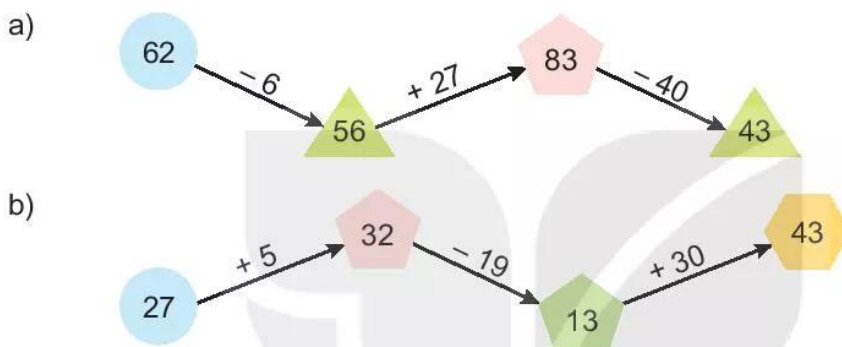
Số quyển sách lớp 2B quyên góp được là:

$$83 - 18 = 65 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 65 quyển sách.

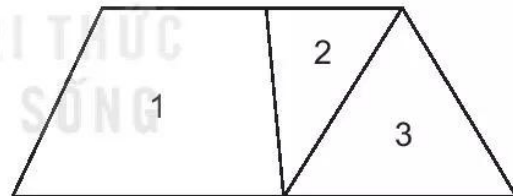
Bài 4: Củng cố phép cộng, phép trừ đã học.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài: Tìm số thích hợp với dấu “?” trong ô.
- GV hướng dẫn HS cách làm: Thực hiện lần lượt từng phép tính từ trái sang phải.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài. GV có thể cho HS ghi bài vào vở rồi làm bài.
- Kết quả:



Bài 5: Bước đầu cho HS làm quen với nhận dạng hình tứ giác qua phân tích, tổng hợp hình.

- Hình tứ giác có 1 hình đơn: hình 1.
- Hình tứ giác có 2 hình đơn: hình gồm 1 và 2, hình gồm 2 và 3.
- Hình gồm cả ba hình 1, 2, 3.



Vậy có tất cả 4 hình tứ giác. Chọn C.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).